

SOLUTIONS TO PROMOTE INNOVATION IN ECONOMIC MANAGEMENT IN RESPONSE TO NON-TRADITIONAL SECURITY THREATS

Tran Dang Bo¹

Quach Cong Giang² Nguyen Thi To Uyen³

^{1, 2, 3}Thanh Do University

Email: trandangbo@yahoo.com.vn¹; qcgiang@thanhdouni.edu.vn²; nttuyen@thanhdouni.edu.vn³

Received: 13/01/2026; Reviewed: 3/3/2026; Revised: 13/3/2026; Accepted: 25/3/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i1.347>

Abstract: Vietnam is a country severely affected by non-traditional security threats, which have reached an alarming level and caused increasingly serious consequences, thereby requiring the promotion of innovation in economic management to respond effectively to these threats. This article analyses the theoretical issues of innovation and non-traditional security, examines the current state of innovation in economic management in Vietnam in the face of non-traditional security threats, and, on that basis, proposes solutions to promote innovation in economic management toward sustainable development, enhanced competitiveness, and stronger national self-reliance and resilience.

Keywords: Non-traditional security; Solutions to promote innovation; Economic management.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, các mối đe dọa an ninh phi truyền thống (ANPTT) đã trở thành yếu tố tác động trực tiếp đến tăng trưởng và ổn định xã hội. Trong khi đó, đổi mới sáng tạo (ĐMST) lại là chìa khóa để tăng cường năng lực cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành và đảm bảo tính bền vững của nền kinh tế. Ở Việt Nam, Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và ĐMST đến năm 2030 xác định ĐMST là động lực trung tâm của tăng trưởng và phát triển bền vững. Tuy nhiên, thực trạng các mối đe dọa ANPTT diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, tác động mạnh mẽ, toàn diện với nhiều hệ lụy, gây bất lợi cho đời sống xã hội, đặt ra yêu cầu đổi mới cách thức quản trị quốc gia và quản lý kinh tế (QLKT) nói riêng. Vì vậy, nghiên cứu, đề xuất giải pháp thúc đẩy ĐMST trong QLKT trước các mối đe dọa ANPTT không chỉ mang ý nghĩa lý luận mà còn có giá trị thực tiễn to lớn.

2. Tổng quan nghiên cứu liên quan

Theo tác giả Đặng Khắc Ánh (2021), ANPTT không chỉ đe dọa sự ổn định xã hội mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển bền vững, nhất là sự tăng trưởng của nền kinh tế. ANPTT có thể làm suy giảm đời sống xã hội, phức tạp hóa nhiệm vụ quản lý nhà nước, đòi hỏi hợp tác quốc tế sâu rộng, thậm chí vượt quá khả năng

ứng phó của mỗi quốc gia. Để tăng cường năng lực ứng phó trước các mối đe dọa ANPTT, tác giả đề xuất 5 giải pháp gồm nhận thức; hoàn thiện khung pháp lý; năng lực xử lý, thích ứng; phát huy sức mạnh tổng hợp; mở rộng hợp tác quốc tế. Tác giả Phan Thị Cẩm Lai (2024) nhấn mạnh ĐMST không chỉ tạo ra sản phẩm, dịch vụ, quy trình hay hệ thống quản lý mới, mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động, sức cạnh tranh, vị thế quốc tế của doanh nghiệp Việt Nam. Từ thực trạng ĐMST trong doanh nghiệp, tác giả đề xuất bốn giải pháp thúc đẩy ĐMST, góp phần phát triển kinh tế và tăng sức cạnh tranh. Đây là nguồn tham khảo có giá trị cho việc nghiên cứu giải pháp ĐMST trong QLKT trước tác động của các mối đe dọa ANPTT. Tác giả Hoàng Anh Tuấn và cộng sự (2024) nhận định ĐMST, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh là xu thế tất yếu của đổi mới mô hình tăng trưởng. ĐMST trở thành yêu cầu bắt buộc giúp doanh nghiệp gia tăng sức cạnh tranh để tồn tại và phát triển bền vững. Các tác giả đề xuất 4 giải pháp thúc đẩy ĐMST: hoàn thiện chính sách hỗ trợ toàn diện; nâng cao vai trò giáo dục và đào tạo; phát huy sức mạnh nội sinh; tăng cường hợp tác giữa doanh nghiệp trong và ngoài nước. Các giải pháp này là nội dung tham khảo đề xuất biện pháp thúc đẩy ĐMST trong QLKT trước các mối đe dọa ANPTT.

Tác giả Văn Duyên (2025) cho rằng ANPTT không chỉ là vấn đề trước mắt mà còn là thách thức lâu dài khi Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều yếu tố khó lường. Tác giả cho rằng ANPTT bắt nguồn từ bốn nguyên nhân: tác động của môi trường và thiên nhiên; hệ quả phát triển kinh tế, xã hội thiếu bền vững; hạn chế trong quản lý nhà nước; sự gia tăng tội phạm xuyên quốc gia; tác động tiêu cực của toàn cầu hóa. Việc tác giả xác định hạn chế trong quản lý nhà nước là nguyên nhân của ANPTT cho thấy mối quan hệ giữa ANPTT và ĐMST trong QLKT. Theo tác giả Tô Lâm (2025), ngoài bốn nguy cơ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII đã nêu, Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều mối đe dọa ANPTT mới khác: xâm phạm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, chiến tranh mạng, an ninh kinh tế, an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, an ninh nguồn nước, an ninh y tế, an ninh lương thực, tội phạm xuyên quốc gia... Đồng thời, nguy cơ tụt hậu về khoa học, công nghệ, gia tăng tội phạm công nghệ cao đang đặt ra thách thức lớn đối với an ninh mạng và dữ liệu quốc gia. Các mối đe dọa ANPTT tác động trực tiếp đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có QLKT. Tác giả Linh Thị Huyền (2025) khẳng định Việt Nam có tiềm năng lớn về nhân lực, tài nguyên, song mức độ ĐMST của doanh nghiệp ở các ngành công nghiệp chủ lực vẫn còn thấp so với khu vực. Từ kinh nghiệm của Mỹ, Hàn Quốc, Bắc Âu, tác giả khái quát 5 yếu tố tạo thành công của ĐMST trong tăng trưởng kinh tế gồm: môi trường chính sách; đầu tư tài chính cho R&D; văn hóa khuyến khích sáng tạo; hợp tác đa chiều; nguồn nhân lực chất lượng cao; hệ thống giáo dục tiên tiến. Kết quả này sẽ được vận dụng để nghiên cứu giải pháp thúc đẩy ĐMST trong QLKT ở Việt Nam.

Nhìn chung, tuy có nhiều nghiên cứu về ĐMST, ANPTT hay ĐMST trong QLKT được công bố gần đây, nhưng chưa có nghiên cứu về ĐMST trong QLKT ở Việt Nam trước tác động của các mối đe dọa ANPTT. Đây là khoảng trống khoa học mà bài viết sẽ làm rõ, góp phần khai mở vấn đề mới có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn hiện nay.

3. Phương pháp nghiên cứu

Do tính mới của vấn đề nghiên cứu, nguồn tài liệu liên quan hạn chế, nên bài viết sử dụng

phương pháp định tính. Dữ liệu phục vụ nghiên cứu gồm: Văn kiện Đảng, Quốc hội, Chính phủ về Khoa học, Công nghệ, ĐMST; đồng thời sử dụng kết quả từ một số công trình nghiên cứu liên quan đã công bố gần đây ở Việt Nam.

ĐMST trong QLKT trước tác động của các mối đe dọa ANPTT là đối tượng nghiên cứu của bài viết này. Nghiên cứu ở Việt Nam giai đoạn 2020–2025 có tham chiếu đến các số liệu từ tổ chức tài chính quốc tế.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Những vấn đề chung về đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế và an ninh phi truyền thống

4.1.1. Quan niệm đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế

QLKT trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với kinh tế tri thức; ĐMST không giới hạn trong phạm vi công nghệ, mà bao gồm đổi mới thể chế, chính sách, mô hình quản trị công - tư nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, hiệu lực, hiệu quả và tính minh bạch của hệ thống quản lý, điều hành nền kinh tế. Như vậy, ĐMST trong QLKT được hiểu theo nghĩa rộng, có tính hệ thống, bao trùm yếu tố công nghệ, tổ chức, thể chế và chính sách,... Theo đó, ĐMST trong QLKT là việc áp dụng các ý tưởng, phương pháp, công cụ và mô hình mới, sáng tạo vào toàn bộ hệ thống QLKT, từ cấp vĩ mô đến cấp vi mô nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLKT, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và sức cạnh tranh, tạo ra giá trị gia tăng mới, bền vững.

4.1.2. Quan niệm an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

Tuy thuật ngữ ANPTT xuất hiện những năm 80 thế kỷ XX, được sử dụng rộng rãi từ đầu thế kỷ XXI và trở thành thuật ngữ phổ biến trong nhiều diễn đàn quốc gia, quốc tế, song đến nay vẫn chưa thống nhất quan niệm giữa hai trường phái:

Thứ nhất, ANPTT là an ninh tổng hợp gồm an ninh quân sự, an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, an ninh môi trường. Ở trường phái này, ANPTT không đối lập với an ninh truyền thống mà là mở rộng nội hàm quan niệm an ninh truyền thống.

Thứ hai, ANPTT đối lập với an ninh truyền thống, không bao hàm an ninh quân sự. Quan

niệm này xuất phát từ mối tương quan, so sánh với an ninh truyền thống. Ở Việt Nam, “quan điểm chính thống và quan niệm của hầu hết các học giả theo cách tiếp cận của trường phái thứ hai, tức quan niệm ANPTT là đối lập với an ninh truyền thống, bao gồm các lĩnh vực an ninh ngoài quân sự, phi vũ trang” (Tân và cộng sự, 2018).

Trong các văn kiện từ Đại hội lần thứ VI đến Đại hội lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam, thuật ngữ ANPTT chưa được sử dụng, mà được cảnh báo bằng “những vấn đề toàn cầu”. Lần đầu tiên ANPTT được sử dụng trong văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XI: “các yếu tố đe dọa ANPTT, tội phạm công nghệ cao tiếp tục gia tăng...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011). Tại Đại hội lần thứ XII, nhận thức của Đảng về các mối đe dọa an ninh quốc gia ngoài an ninh truyền thống còn có ANPTT, trong đó có một số vấn đề toàn cầu như an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, an ninh mạng (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016). Đại hội Đảng lần thứ XIII chỉ ra “Các vấn đề ANPTT như: an ninh tài chính, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, an ninh mạng, dịch bệnh... ảnh hưởng lớn đến phát triển bền vững đất nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021b) và “xử lý các vấn đề ANPTT, tạo vành đai an ninh bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021a). Tuy ANPTT không được Đại hội lần thứ XIV gọi tên cụ thể như Đại hội lần thứ XII, XIII, nhưng Đại hội đã khẳng định “các vấn đề ANPTT ngày càng phức tạp” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Như vậy, ANPTT trong các văn kiện từ Đại hội lần thứ XI đến nay được hiểu: là một loại hình an ninh mới do yếu tố phi quân sự gây ra, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định, phát triển và an ninh của Việt Nam, khu vực và toàn cầu.

Từ các sự cố (Quốc hội, 2023, Khoản 2 Điều 2) hay thảm họa (Quốc hội, 2023, Khoản 3 Điều 2) xảy ra từ đầu thế kỷ XXI đến nay chỉ ra rằng các mối đe dọa an ninh quốc gia không chỉ bắt nguồn từ các yếu tố chính trị hay quân sự, mà còn bởi yếu tố phi chính trị, phi quân sự. Những yếu tố này mang tính toàn cầu, được gọi tên là ANPTT. Thực tiễn này cho thấy ANPTT là phạm trù “động”, bởi các mối đe dọa ANPTT không tồn tại ở một quốc gia mà xuyên quốc gia, do các mối đe dọa ANPTT không ngừng phát sinh, phát

triển, lan tỏa nhanh, phạm vi ảnh hưởng rộng, khó dự lường, không thể kiểm soát nếu không hợp tác quốc tế.

Với những vấn đề nêu trên, theo tác giả: ANPTT là loại hình an ninh mới, được hình thành bởi sự cố, thảm họa do các yếu tố phi chính trị, phi quân sự gây ra, đe dọa trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của con người, sự ổn định, phát triển bền vững và an ninh quốc gia, khu vực hay toàn cầu.

4.1.3. Vai trò đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế trước tác động của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống

Một là, ĐMST trong QLKT giúp tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo sớm các mối đe dọa ANPTT thông qua ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và hệ thống thông tin tích hợp.

Hai là, ĐMST trong QLKT giúp tối ưu hóa quản trị các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt giúp phân bổ ngân sách nhà nước hợp lý hơn, năng lượng và lao động hiệu quả hơn, đặc biệt khi gặp khủng hoảng.

Ba là, ĐMST trong QLKT góp phần đẩy mạnh đổi mới thể chế, chính sách theo hướng thúc đẩy chính phủ số, chính phủ điện tử và chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực công.

Bốn là, ĐMST trong QLKT góp phần thúc đẩy hợp tác quốc tế và phát triển khu vực tư nhân, theo đó, ĐMST tạo nền tảng kết nối giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng khoa học, giúp hình thành hệ sinh thái phòng ngừa, ứng phó, thích ứng linh hoạt trước các mối đe dọa ANPTT.

4.2. Thực trạng đổi mới sáng tạo và tác động của an ninh phi truyền thống đến đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế

4.2.1. Thực trạng đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế

Thứ nhất, năng lực, mức độ ĐMST quốc gia. Tuy Việt Nam đã có tiến bộ về thể chế, chính sách ĐMST, nhưng năng lực, mức độ ĐMST quốc gia còn nhiều hạn chế. Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới Toàn cầu của WIPO (2024), Việt Nam xếp hạng 58/132 quốc gia, tăng 2 bậc so với năm 2022, tiếp tục dẫn đầu nhóm quốc gia có thu nhập bình quân thấp. Trong đó: Hiệu quả ĐMST xếp hạng 25/132 quốc gia, phản ánh khả năng chuyển đổi đầu vào là các nguồn lực, thành kết quả đầu ra là sản phẩm ĐMST ở mức khá; thị trường và

môi trường kinh doanh được đổi mới xếp hạng 49/132 quốc gia. Theo Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, Chỉ số ĐMST toàn cầu của Việt Nam năm 2024 xếp hạng 44/133 quốc gia, tăng 2 bậc so với năm 2023, tăng 4 bậc so với năm 2022; Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử năm 2024 của Liên Hợp Quốc tăng 15 bậc, từ vị trí 86/193 lên vị trí 71/193 (Giang, 2024). Điều này cho thấy nỗ lực của Việt Nam trong việc cải thiện thể chế, khung pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp ĐMST. Tuy nhiên, hạ tầng tri thức, công nghệ của Việt Nam xếp hạng 67/132 quốc gia. Chỉ số này không chỉ phản ánh hạn chế về năng lực R&D mà còn cho thấy chất lượng nguồn nhân lực và đầu tư cho R&D thấp. Theo đó, năm 2024, chi tiêu cho R&D của Việt Nam là 0,53% GDP, trong khi mức chi tiêu trung bình cho R&D của ASEAN là 1,1%, Hàn Quốc là 4,9%, Nhật Bản là 3,4% (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2024). Vấn đề này cho thấy, tuy Việt Nam đã có nhiều tiến bộ về thể chế, chính sách ĐMST, nhưng thực tế, năng lực và mức độ ĐMST quốc gia còn hạn chế, bất cập.

Thứ hai, ĐMST trong QLKT. Trong lĩnh vực QLKT công, Việt Nam triển khai mạnh mẽ chuyển đổi số, Chính phủ điện tử. Trong đó, năm 2023, chỉ số phát triển Chính phủ số đạt 0,64%, tăng 0,1% so với năm 2021; 100% bộ, ngành, địa phương đưa vào hoạt động Cổng dịch vụ công trực tuyến và cơ sở dữ liệu dùng chung (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2024). Có thể nói, chuyển đổi số ở Việt Nam đang bước vào thời kỳ tăng tốc với nhiều kết quả nổi bật. Đến năm 2025, Chính phủ số “có bước tiến rõ rệt”, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình đạt gần 40%, tăng gấp 9 lần so với năm 2019. Xếp hạng Chính phủ điện tử của Việt Nam theo Liên Hợp Quốc đã tăng 15 bậc so với kỳ công bố năm 2022, minh chứng cho hiệu quả thực tiễn của nỗ lực cải cách, số hóa hoạt động công vụ” (Giang, 2025b). Kinh tế số đóng góp vào GDP ngày càng lớn, doanh thu của công nghiệp công nghệ thông tin năm 2024 là 118 tỷ USD, tăng 24% so với năm 2023, xuất khẩu phần cứng điện tử tăng 29%. Nhiều nền tảng số quốc gia đã vận hành từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cổng Dịch vụ công quốc gia đến hạ tầng định danh và xác thực điện tử, tạo nền tảng cho người dân và doanh nghiệp tham gia giao dịch điện tử an toàn, thuận tiện (Giang, 2025b). Đặc biệt, thể chế, chính sách

chuyển đổi số đã đồng bộ, hoàn thiện hơn, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho quá trình số hóa trên mọi lĩnh vực. Tuy nhiên, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan quản lý còn hạn chế; tình trạng cát cứ dữ liệu làm giảm hiệu quả khai thác thông tin trong hoạch định chính sách. Theo World Bank, năm 2024, Việt Nam trong nhóm top 10 quốc gia có tốc độ chuyển đổi số khu vực châu Á - Thái Bình Dương, nhưng chỉ xếp hạng 59/193 quốc gia về mức độ sẵn sàng hạ tầng dữ liệu.

Thứ ba, hệ sinh thái ĐMST quốc gia. Nhờ nỗ lực của hệ thống chính trị và sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ, nhất quán của Quốc hội, Chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước các cấp, hệ sinh thái ĐMST quốc gia phát triển mạnh mẽ, đa dạng, gắn kết hơn. Điều này thể hiện trên các nội dung sau:

Chính sách ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động R&D, chuyển giao công nghệ và ĐMST. Theo đó, Chính phủ có nhiều nỗ lực thúc đẩy ĐMST thông qua việc ban hành các nghị quyết, chiến lược, nghị định hướng dẫn như: Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Luật Khoa học, Công nghệ và ĐMST; Luật Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa; Luật Chuyển giao Công nghệ; Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực công nghệ tài chính (fintech) đang được xem xét.

Đại hội Đảng lần thứ XIII xác định khoa học, công nghệ và ĐMST là đột phá chiến lược, động lực chiến lược cho tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững, lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong hệ thống ĐMST quốc gia. Nhờ đó, Việt Nam đã trở thành thị trường khởi nghiệp sôi động nhất ASEAN. Đặc biệt, giai đoạn 2023-2025, Việt Nam chứng kiến xu hướng ĐMST nổi bật, từ chuyển đổi số, đầu tư R&D, đổi mới mô hình sản xuất, kinh doanh cho đến ứng dụng ESG, công nghệ cao. Đến giữa năm 2025, Việt Nam có hơn 4000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (trong đó có 2 kỳ lân, 11 doanh nghiệp được định giá trên 100 triệu USD); hơn 1.400 tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp; 202 khu làm việc chung; 208 quỹ đầu tư; 84 vườn ươm; 35 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 20 trung tâm khởi nghiệp sáng tạo. Với những con số như vậy, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam hiện xếp hạng 56/100 quốc gia (Giang, 2024). Các tập đoàn kinh tế lớn

như Viettel, FPT, Vingroup dẫn đầu hoạt động ĐMST. Các startup như Momo, VNG, VNPAY, Napas, Tiki... đã trở thành những doanh nghiệp thu hút lượng vốn đầu tư lớn từ đầu tư nước ngoài. Sự phát triển của các startup này là minh chứng về sức sáng tạo, khả năng nắm bắt xu hướng mới của doanh nghiệp Việt Nam. Đánh giá hệ sinh thái ĐMST, Đại hội lần thứ XIV khẳng định: Khoa học, công nghệ, ĐMST và chuyển đổi số tiếp tục được xác định là động lực phát triển. Thể chế khoa học, công nghệ được chú trọng đổi mới, hoàn thiện và phát triển đồng bộ hơn; tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường. Hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ được đẩy mạnh; đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp được khuyến khích (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026).

Hạ tầng số là hạ tầng của nền kinh tế số, nền tảng để Việt Nam trở thành quốc gia số hiện đại, thông minh (Thủ tướng Chính phủ, 2024), là chìa khóa vàng để Việt Nam làm chủ công nghệ chiến lược, công nghệ lõi như: trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn... Với nhận thức như vậy nên hạ tầng số được xây dựng đồng bộ trên 3 trụ cột (kỹ thuật, dữ liệu và ứng dụng), trong đó: hạ tầng kỹ thuật số được triển khai tương đối đồng bộ; hạ tầng dữ liệu số có bước phát triển tích cực với các trung tâm dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu ngành, song còn vướng về kiến trúc; hạ tầng ứng dụng số còn yếu, chưa gắn với công nghệ lõi, chưa có chiều sâu (Giang, 2025a).

4.2.2. *Thực trạng tác động của các mối đe dọa đe dọa an ninh phi truyền thống đến đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế*

Một là, tác động của biến đổi khí hậu và rủi ro môi trường. Là quốc gia ven biển, có địa hình trũng thấp, Việt Nam nằm trong nhóm nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất của các mối đe dọa ANPTT (Chính phủ, 2025). Tình trạng ngập mặn do nước biển dâng, thiên tai, suy giảm năng suất nông nghiệp đã làm giảm hiệu quả đầu tư và năng lực ĐMST. Đã có nghiên cứu chỉ ra, GDP năm 2020 của Việt Nam giảm 3,2% do tác động của biến đổi khí hậu và môi trường, “nếu không có các biện pháp thích ứng và giảm thiểu phù hợp, ước tính biến đổi khí hậu sẽ khiến Việt Nam mất khoảng 12-14,5% GDP mỗi năm vào năm 2050 và có thể khiến tới 1 triệu người vào tình

trạng nghèo cùng cực vào năm 2030” (Hiền, 2024). Tuy nhiên, ở chiều tác động tích cực, biến đổi khí hậu và rủi ro môi trường góp phần thúc đẩy Chính phủ, tổ chức, doanh nghiệp chuyển sang kinh tế xanh, tuần hoàn, đầu tư vào năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và đổi mới mô hình quản lý, mô hình sản xuất. “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” là minh chứng cho xu hướng ĐMST thích ứng với biến đổi khí hậu và rủi ro môi trường trong QLKT.

Hai là, tác động của dịch bệnh và khủng hoảng y tế toàn cầu. Sự khốc liệt của đại dịch Covid-19 không chỉ cho thấy mức độ tổn thất, mà còn là động lực thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số, thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quản lý, quy trình làm việc, văn hóa công sở... Thực tế khẳng định đại dịch Covid-19 không chỉ tác động tiêu cực mà còn thúc đẩy nhanh hơn tiến trình chuyển đổi số và thực tế cho thấy chuyển đổi số như phao cứu sinh để mọi hoạt động của xã hội thích ứng, vượt qua đại dịch. Thật vậy, việc gián đoạn chuỗi cung ứng và đình trệ sản xuất do cơn cuồng phong Covid-19 buộc Chính phủ, các tổ chức, doanh nghiệp tiến hành đổi mới mô hình hoạt động, áp dụng công nghệ số, thương mại điện tử và tự động hóa quản lý, hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, Chính phủ đẩy mạnh quá trình xây dựng “Chính phủ điện tử và Cổng Dịch vụ công quốc gia”, góp phần số hóa quy trình hành chính công, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, QLKT.

Ba là, tác động của tội phạm mạng và rủi ro an ninh dữ liệu. Thực tiễn phát triển kinh tế số cho thấy, khi nền kinh tế truyền thống chuyển sang kinh tế số, không gian số, thì tội phạm mạng là thách thức lớn. Theo đó, năm 2023 Việt Nam ghi nhận hơn 13.000 vụ tấn công mạng, gây thiệt hại hàng trăm triệu USD (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2024); năm 2024 có 46,15% cơ quan, doanh nghiệp bị tấn công mạng với hơn 659.000 vụ... gây thiệt hại không nhỏ (Hiệp hội An ninh mạng quốc gia, 2024). Từ năm 2024 đến tháng 08 năm 2025 phát hiện hơn 42 triệu cảnh báo tấn công mạng, 420.000 cảnh báo phát hiện mã độc nhằm vào các hệ thống thông tin; riêng 8 tháng đầu năm 2025 đã phát hiện: gần 1.500 vụ việc lừa đảo qua mạng, gây thiệt hại hơn 1.660 tỉ đồng; hơn 1.500 kênh, hội nhóm quảng cáo, đánh

bạc trực tuyến; hơn 1.500 kênh, hội nhóm hoạt động liên quan giao dịch tiền ảo, tiền mã hóa,... (Hiếu, 2025). Có thể nói, cùng với thành tựu phát triển kinh tế, xã hội, Việt Nam đang đối mặt với thách thức không nhỏ trong bảo đảm an ninh mạng bởi các hoạt động tấn công mạng diễn ra ngày một nguy hiểm hơn với nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, phức tạp đe dọa sự phát triển bền vững. Các vụ xâm nhập dữ liệu đã làm giảm niềm tin của tổ chức, doanh nghiệp, người dân, ảnh hưởng đến tiến trình chuyển đổi số trong khu vực công và tư. Ngược lại, tội phạm mạng và rủi ro an ninh dữ liệu trở thành động lực quan trọng thúc đẩy ĐMST công nghệ an ninh mạng, định danh số và dữ liệu lớn. Theo đó, Chính phủ ban hành “Chiến lược quốc gia về an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030” để khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp làm chủ công nghệ bảo mật, từ đó tăng cường khả năng QLKT số an toàn, bền vững.

Bốn là, tác động do gián đoạn chuỗi cung ứng và bất ổn địa chính trị. Thực tiễn cho thấy, khi nền kinh tế thế giới xảy ra xung đột thương mại, cạnh tranh công nghệ hay rủi ro địa chính trị sẽ làm gia tăng tính bất an, bất ổn, bất thường, bất lường, bất định trong quản trị xã hội, QLKT. Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi sự đứt gãy, gián đoạn chuỗi cung ứng và biến động thị trường thế giới. Theo đó, chi phí logistics của Việt Nam năm 2024 chiếm 18% GDP, cao hơn mức trung bình của khu vực (CIEM, 2024). Vì thế, để ứng phó với gián đoạn chuỗi cung ứng và bất ổn địa chính trị, Chính phủ thực hiện chính sách thúc đẩy phát triển logistics thông minh, hạ tầng số, công nghiệp bán dẫn nhằm tăng tính tự chủ công nghệ, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu. Các chính sách này không chỉ ứng phó kịp thời, hiệu quả mà còn thúc đẩy ĐMST trong tái cấu trúc chuỗi giá trị. Đó là tác động tích cực từ các mối đe dọa ANPTT.

Năm là, tác động từ khủng hoảng năng lượng, tài nguyên. Khi xảy ra khủng hoảng năng lượng, giá năng lượng tăng, nguồn cung than, dầu và khí đốt khan hiếm... buộc Việt Nam phải chuyển từ nguồn cung năng lượng truyền thống sang các nguồn cung năng lượng tái tạo. Nhờ đó, năm 2024, năng lượng tái tạo chiếm 32% tổng công suất điện năng cả nước, tăng gần 15% so với năm

2020 (Bộ Công Thương, 2024). Điều này thể hiện xu hướng ĐMST gắn với an ninh năng lượng, thông qua ứng dụng công nghệ lưu trữ điện, quản lý lưới điện thông minh và giảm phát thải carbon.

Như vậy, các mối đe dọa ANPTT làm thay đổi mô hình QLKT Việt Nam trên ba phương diện: Thứ nhất, tái cấu trúc thể chế, chính sách QLKT linh hoạt, phù hợp với nền kinh tế số và quản trị rủi ro; Thứ hai, đổi mới mô hình quản trị công từ hành chính công truyền thống sang chính phủ số, dữ liệu mở; Thứ ba, tăng cường năng lực phản ứng chính sách thông qua đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, nhân lực số, hệ thống cảnh báo sớm. Thực tế cho thấy, Việt Nam đã chuyển hóa thành công áp lực gây ra bởi các mối đe dọa ANPTT thành động lực cải cách, hướng tới mô hình QLKT ĐMST tự chủ, bền vững trong kỷ nguyên mới.

5. Bàn luận

Để nâng cao hiệu quả phòng ngừa, ứng phó với tác động của các mối đe dọa ANTT đến quá trình ĐMST trong QLKT nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả QLKT, bảo đảm phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho các chủ thể quản lý, lực lượng chức năng trong hệ thống chính trị và toàn dân, nòng cốt là người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp về ANPTT và các mối đe dọa ANPTT đối với phát triển bền vững và tác động của ANPTT đến tiến trình ĐMST trong QLKT. Sự thống nhất nhận thức, tư duy và hành động của hệ thống chính trị và toàn dân là điều kiện tiên quyết giúp nhận diện đúng, ứng phó kịp thời, giải quyết hiệu quả với các mối đe dọa ANPTT. Phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức quần chúng trong tuyên truyền, giáo dục hướng tới mục tiêu làm chuyển biến căn bản nhận thức của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội từ thụ động, chờ được bảo vệ sang chủ động tự bảo vệ, bảo vệ từ sớm, từ xa, không để xảy ra sự cố, thảm họa, nếu không may xảy ra sự cố, thảm họa thì giải quyết nhanh, kịp thời, hiệu quả (Chính phủ, 2025).

Hai là, tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV về phát triển khoa học công nghệ,

ĐMST, chuyển đổi số và phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT. Sở dĩ như vậy bởi mục tiêu, tầm nhìn, quan điểm, chủ trương của nghị quyết Đại hội lần thứ XIV về phát triển khoa học công nghệ, ĐMST, chuyển đổi số và phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT tiếp tục là định hướng chính trị quan trọng để xây dựng, ban hành thể chế, chính sách mới về trí tuệ nhân tạo, phát triển khoa học công nghệ, ĐMST, chuyển đổi số và phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT trong kỷ nguyên mới. Đồng thời sớm hiện thực hóa Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025, bởi đây không chỉ là đạo luật đầu tiên trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tạo nền tảng pháp lý cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, quản trị trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm, mà còn “có chính sách phát triển trí tuệ nhân tạo để trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng, ĐMST và phát triển bền vững đất nước” (Quốc hội, 2025).

Ba là, rà soát, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách khoa học công nghệ, ĐMST, chuyển đổi số để phòng ngừa, ứng phó, thích ứng với các mối đe dọa ANPTT. Thể chế, chính sách là khâu then chốt thúc đẩy ĐMST trong QLKT. Chất lượng thể chế, chính sách là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh, tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự phát triển bền vững, sự thịnh vượng của quốc gia. Thể chế, chính sách minh bạch, công bằng, ổn định, linh hoạt sẽ khuyến khích đầu tư, ĐMST, thúc đẩy tăng trưởng, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các chủ thể, cá nhân tự do sáng tạo. Các thể chế, chính sách ở Việt Nam hiện nay như Chiến lược quốc gia về ĐMST; Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia; chính sách hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã góp phần khuyến khích đầu tư cho R&D, góp phần thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang nền kinh tế tri thức.

Bốn là, chủ động, sáng tạo trong việc hiện thực hoá quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã xác định trong Nghị quyết số 147/NQ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 5 năm 2025 ban hành “Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đến các cơ quan Trung ương, Bộ, ngành, tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu. Việc ban hành Nghị quyết “la

bước đi tiên phong, mang tính đột phá, thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng và Nhà nước trong việc chủ động ứng phó với các thách thức toàn cầu, đồng thời góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế” (Nam Phong, 2025). Đây là cơ sở pháp lý để điều phối, huy động lực lượng, phương tiện phục vụ phòng ngừa, ứng phó với các mối đe dọa ANPTT (Chính phủ, 2025). Vì thế, sớm hiện thực hóa Nghị quyết này không chỉ giảm thiểu rủi ro, thiệt hại gây ra bởi các mối đe dọa ANPTT, mà còn góp phần thúc đẩy ĐMST trong QLKT.

Năm là, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm. Trong đó, dự báo, cảnh báo dài hạn những vấn đề có tính quy luật và dự báo, cảnh báo ngắn hạn, trực tiếp, kịp thời cho từng loại hình, tình huống cụ thể theo hướng dự báo, cảnh báo sát thực tế, làm cơ sở xây dựng, triển khai kịch bản, tạo thể chủ động trong phòng ngừa, ứng phó, thích ứng với các mối đe dọa ANPTT. Muốn vậy, cần đẩy mạnh đầu tư, kết nối các trung tâm quản trị, dự báo từ Trung ương đến các bộ, ngành, địa phương tạo thành hệ thống mạng thông tin dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động ứng phó với các mối đe dọa ANPTT trên toàn quốc; có chính sách đặc thù hỗ trợ ĐMST, khuyến khích ĐMST trong công nghệ dự báo, quản lý rủi ro, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển giải pháp nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm mang tính chiến lược.

Sáu là, mở rộng hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, ứng phó, thích ứng với các mối đe dọa ANPTT để thúc đẩy ĐMST trong QLKT. Trong đó, chú trọng hợp tác quốc tế phòng ngừa, ứng phó, thích ứng với các mối đe dọa ANPTT thông qua Liên Hợp Quốc, nhất là việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và văn kiện Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai. Hợp tác với Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế, Văn phòng Liên Hợp Quốc về chống ma túy và tội phạm, Cơ quan Cảnh sát châu Âu...; tăng cường hợp tác khu vực trong khuôn khổ ASEAN hoặc ASEAN với các đối tác. Đồng thời đẩy mạnh hợp tác song phương giữa Việt Nam với các nước phát triển để tranh thủ nguồn lực tài chính, khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng thể chế, chính sách phòng ngừa, ứng phó, thích ứng với các mối đe dọa

ANPTT, thúc đẩy ĐMST trong QLKT.

6. Kết luận

Thúc đẩy ĐMST trong QLKT không chỉ là động lực phát triển, mà còn là lá chắn chủ động từ sớm, từ xa trước các mối đe dọa ANPTT. Sự thành công khi thúc đẩy ĐMST trong QLKT trước các mối đe dọa ANPTT ở Việt Nam phụ thuộc vào ba yếu tố: hiệu lực, hiệu quả của thể chế, chính sách; khoa học công nghệ tiên tiến; ý thức cộng đồng. Vì vậy, việc nghiên cứu giải pháp thúc đẩy ĐMST trong QLKT là yếu tố then

chốt để Việt Nam phòng ngừa, ứng phó, thích ứng hiệu quả với các mối đe dọa ANPTT. Để thúc đẩy ĐMST trong QLKT trước các mối đe dọa ANPTT, cần tiến hành đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nêu trên. Nếu các giải pháp này được triển khai đồng bộ, hiệu quả, không chỉ giúp Việt Nam giảm thiểu tổn thất từ các mối đe dọa ANPTT đối với nền kinh tế nói chung, QLKT nói riêng, mà còn mở ra con đường phát triển xanh, an toàn, bền vững, thịnh vượng cho các thế hệ tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Anh, D. K. (2021). *Quan ly nha nuoc truoc thach thuc an ninh phi truyen thong*. Truy cập ngày 01 tháng 10 năm 2025 từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/04/06/quan-ly-nha-nuoc-truoc-thach-thuc-an-ninh-phi-truyen-thong/>.
- Bo Cong Thuong. (2024). *Bao cao nang luong Viet Nam 2024*. Ha Noi.
- Bo Khoa hoc va Cong nghe. (2024). *Bao cao Dau tu cho R&D tai Viet Nam*. Ha Noi.
- Bo Thong tin va Truyen thong. (2024). *Bao cao an toan thong tin mang quoc gia*. Ha Noi.
- Chính phủ. (2025). *Nghi quyết số 147/NQ-CP ngày 22/5/2025 Ban hành Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- CIEM. (2024). *Bao cao kinh tế Việt Nam và tại cấu trúc chuỗi cung ứng*. Ha Noi.
- Dang Cong san Viet Nam. (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Ha Noi.
- Dang Cong san Viet Nam. (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng, Ha Noi.
- Dang Cong san Viet Nam. (2021a). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Ha Noi, tập I.
- Dang Cong san Viet Nam. (2021b). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Ha Noi, tập II.
- Dang cong san Viet Nam. (2026). *Bao cao chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*. Truy cập ngày 05 tháng 10 năm 2025 từ <https://baochinhphu.vn/van-kien-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-102260206213400242.htm>
- Duyen, V. (2025). *Chu dong phong ngua, ung pho cac de doa an ninh phi truyen thong phuc vu phat trien ben vung dat nuoc*. Truy cập ngày 01 tháng 10 năm 2025 từ <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/cac-van-de/chu-dong-phong-ngua-ung-pho-cac-de-doa-an-ninh-phi-truyen-thong-phuc-vu-phat-trien-ben-vung-dat-nuoc-839990>.
- Giang, T. (2024). *Nang tam he sinh thai doi moi sang tao quoc gia, vuon len phat trien but pha*. Truy cập ngày 06 tháng 10 năm 2025 từ <https://nhandan.vn/nang-tam-he-sinh-thai-doi-moi-sang-tao-quoc-gia-vuon-len-phat-trien-but-pha-post834132.html>.
- Giang, T. (2025a). *Ha tang so vung manh - nen tang lam chu cac cong nghe chien luoc*. Truy cập ngày 06 tháng 10 năm 2025 từ <https://baochinhphu.vn/ha-tang-so-vung-manh-nen-tang-lam-chu-cac-cong-nghe-chien-luoc-102250930153609425.htm>.
- Giang, T. (2025b). *Chuyen doi so Viet Nam buoc sang giai doan tang toc, hieu qua va gan dan hon*. Truy cập ngày 06 tháng 10 năm 2025 từ <https://baochinhphu.vn/chuyen-doi-so-viet-nam-buoc-sang-giai-doan-tang-toc-hieu-qua-va-gan-dan-hon-102251021102103518.htm>.
- Hien, N. (2024). *Viet Nam co the mat 14,5% GDP vi bien doi khi hau*. Truy cập ngày 07 tháng 10 năm 2025 từ <https://tuoitre.vn/viet-nam-co-the-mat-14-5-gdp-vi-bien-doi-khi-hau-20240513162839415.htm>.
- Hiệp hội An ninh mạng quốc gia. (2024). *Bao cao tong ket An ninh mang nam 2024*. Truy cập ngày 07 tháng 10 năm 2025 từ [https://baotintuc.vn/kinh-te/ghi-nhan-hon-](https://baotintuc.vn/kinh-te/ghi-nhan-hon)

- 659000-vu-tan-cong-mang-vao-doanh-nghiep-trong-nam-2024-20241223095627645.htm.
- Hieu, C. (2025). *Dau nam 2025 den nay phat hien gan 1.500 vu viec lua dao qua mang*. Truy cap ngay 07 thang 10 nam 2025 tu <https://tuoitre.vn/dau-nam-2025-den-nay-phat-hien-gan-1-500-vu-viec-lua-dao-qua-mang-20250805220548384.htm>.
- Huyen, L. T. (2025). *Doi moi sang tao va tang truong kinh te: Phan tich cac mo hinh thanh cong tren the gioi*. Truy cap ngay 01 thang 10 nam 2025 tu <https://tapchicongthuong.vn/doi-moi-sang-tao-va-tang-truong-kinh-te--phan-tich-cac-mo-hinh-thanh-cong-tren-the-gioi-139560.htm>.
- Lai, P. T. C. (2024). *Doi moi sang tao trong doanh nghiệp o Viet Nam - Thuc trang va giai phap*. Truy cap ngay 01 thang 10 nam 2025 tu <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/06/13/doi-moi-sang-tao-trong-doanh-nghiep-o-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap/>.
- Lam, T. (2025). *Viet Nam vung buoc tien vao ky nguyen moi va nhung van de dat doi voi su nghiep bao ve To quoc*. Truy cap ngay 01 thang 10 nam 2025 tu <https://nhandan.vn/special/viet-nam-vung-tien-vao-ky-nguyen-moi/index.html>.
- Phong, N. (2025). *Ngươi dân la chu the trong ung pho cac de doa an ninh phi truyền thông*. Truy cap ngay 08 thang 10 nam 2025 tu <https://nhandan.vn/nguoi-dan-la-chu-the-trong-ung-pho-cac-de-doa-an-ninh-phi-truyen-thong-post913004.html>.
- Quoc hoi. (2023). *Luat Phong thu dan su so 18/2023/QH15 ngay 20 thang 06 nam 2023*.
- Quoc hoi. (2025). *Luat Khoa hoc, Cong nghe va Doi moi sang tao so 93/2025/QH15 ngay 27 thang 6 nam 2025*.
- Tan, T. N., Dung, P. T., & Huan, D. M. (2018). *An ninh phi truyền thông - nhung van de ly thuyet va thuc tien*. Nxb. Ly luan Chinh tri, Ha Noi.
- Thu tuong Chinh phu. (2024). *Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 Phe duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030*.
- Tuan, H. A., & Nhung, L. T. (2024). *Giai phap thuc day cac doanh nghiệp doi moi sang tao trong boi canh chuyen doi so o Viet Nam hien nay*. Truy cap ngay 01 thang 10 nam 2025 tu <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/11/21/giai-phap-thuc-day-cac-doanh-nghiep-doi-moi-sang-tao-trong-boi-canhh-chuyen-doi-so-o-viet-nam-hien-nay/>.

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ TRƯỚC CÁC MỐI ĐE DOẠ AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG

Trần Đăng Bộ¹

Quách Công Giang² Nguyễn Thị Tố Uyên³

^{1, 2, 3}Trường Đại học Thành Đô

Email: trandangbo@yahoo.com.vn¹; qcgang@thanhdouni.edu.vn²; nttuyen@thanhdouni.edu.vn³

Ngày nhận bài: 13/01/2026; Ngày phản biện: 3/3/2026; Ngày tác giả sửa: 13/3/2026;

Ngày duyệt đăng: 25/3/2026

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v5i1.347>

Tóm tắt: Việt Nam là quốc gia chịu tác động nghiêm trọng từ các mối đe dọa an ninh phi truyền thống với cấp độ báo động đỏ, hậu quả ngày càng trầm trọng, đòi hỏi phải thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế để ứng phó với các mối đe dọa này. Bài viết phân tích những vấn đề lý luận về đổi mới sáng tạo, về an ninh phi truyền thống, thực trạng đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế ở Việt Nam trước các mối đe dọa an ninh phi truyền thống, từ đó đề xuất giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong quản lý kinh tế, hướng tới phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng tự chủ, tự cường quốc gia.

Từ khóa: An ninh phi truyền thống; Giải pháp thúc đẩy đổi mới sáng tạo; Quản lý kinh tế.